TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2019/DS-ST
Ngày: 29/8/2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Văn Nhị

2/ Bà Lê Thị Vân

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Thị Quy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 208/2019/TLST-DS, ngày 08/7/2019. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2019/QĐST-DS, ngày 12/8/2019 giữa:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Bé C**, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp 2, xã MA, huyện X, tỉnh Long An.

* Bị đơn: Bà **Bà Nguyễn Thị H**, sinh năm 1977 và ông **Hồ Thanh T**, sinh năm 1975. Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã MA, huyện X, tỉnh Long An.

(Bà C, bà Nguyễn Thị H có mặt. Ông Hồ Thanh T vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé C trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà có tham gia 4 dây hụi do bà Nguyễn Thị H làm chủ, trong phiêu hụi tên "Cống" là tên thường gọi của bà, cụ thể như sau:

Dây hụi thứ 1: Hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 25/8/2017 âm lịch, ba tháng khui 1 lần, 12 hụi viên. Bà tham gia 1 phần, đóng được 6 lần, mỗi lần đóng 3.800.000 đồng. Tổng cộng bà đã đóng 22.800.000 đồng. Hụi bể tháng 3/2019 âm lịch.

Dây hụi thứ 2: Hụi 3.000.000 đồng, khui ngày 15/02/2017 âm lịch, hai tháng khui 1 lần, 18 hụi viên. Bà tham gia 1 phần, đóng 13 lần, mỗi lần đóng 2.400.000 đồng. Tổng cộng bà đã đóng 31.200.000 đồng. Hụi bể tháng 01/2019 âm lịch.

Dây hụi thứ 3: Hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 05/02/2018 âm lịch, mỗi tháng khui 1 lần, 20 hụi viên. Bà tham gia 1 phần, đóng được 12 lần, mỗi lần đóng 1.650.000 đồng. Tổng cộng bà đã đóng 19.800.000 đồng. Hụi bể tháng 02/2019 âm lịch. Dây hụi này, bà Nguyễn Thị H không có đưa phiêu hụi cho bà, nhưng do tin tưởng nên bà cũng không yêu cầu bà Nguyễn Thị H giao phiêu hụi.

Dây hụi thứ 4: Hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 15/3/2017 âm lịch, mỗi tháng khui 1 lần, 32 hụi viên. Bà tham gia 1 phần, đóng là 24 lần, mỗi lần đóng 750.000 đồng. Tổng cộng đóng 18.000.000 đồng. Hụi bể tháng 12/2018 âm lịch.

Tổng cộng bà đã đóng hụi được 91.800.000 đồng. Việc hụi này ông Hồ Thanh T biết. Đến ngày góp hụi, khi bà Nguyễn Thị H vắng nhà thì bà đóng hụi cho ông Hồ Thanh T. Khi bể hụi, bà cũng có nói với ông Hồ Thanh T số tiền còn nợ hụi, ông Hồ Thanh T nói đợi bà Nguyễn Thị H về giải quyết.

Việc ông Hồ Thanh T vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, không đến Tòa để hai bên nói chuyện cho rõ ràng mà nói không biết nợ của bà Nguyễn Thị H và không chịu liên đới trả nợ bà không đồng ý. Tất cả 4 dây hụi đã bể. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông Hồ Thanh T và bà Bà Nguyễn Thị H liên đới trả 91.800.000 đồng tiền của 4 dây hụi, không yêu cầu lãi suất.

** Bị đơn Bà Nguyễn Thị H trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà thừa nhận có làm chủ 4 dây hụi như trên. Về số tiền hụi bà C đã đóng và quá trình chơi hụi diễn ra là đúng như bà C trình bày. Hụi đã bể, nay bà C yêu cầu bà và ông Hồ Thanh T liên đới trả số tiền đã đóng của dây hụi khui ngày 15/02/2017 là 31.200.000 đồng; hụi khui ngày 25/3/2017 là 18.000.000 đồng; hụi khui ngày 25/8/2017 là 22.800.000 đồng; hụi khui ngày 05/02/2018 là 19.800.000 đồng. Tổng cộng là 91.800.000 đồng, bà đồng ý trả nợ hụi cho bà C và thống nhất với ý kiến của nguyên đơn là ông Hồ Thanh T phải có trách nhiệm liên đới trả nợ hụi với bà.

Khi bà không có nhà, bà C đi đóng hụi thì ông Hồ Thanh T cũng có nhận tiền nên nói không biết là không đúng. Số tiền hụibà C đóng cho bà thì một phần giao cho các hụi viên lĩnh hụi, một phần đắp qua các dây hụi khác vì bà tham gia rất nhiều dây hụi, có dây bà là chủ, có dây là hụi viên. Một số hụi viên không đóng hoặc họ tự trừ cấn các dây hụi với nhau vì nghe vợ chồng bà sắp ly hôn nên hụi bị bể. Một phần tiền hụi thì sử dụng vào chăm lo con cái, nhà cửa. Ông Hồ Thanh T nói làm 02 ha ruộng là không đúng. Trước đây, cha chồng có cho khoảng 2 công đất, sau đó mới cho thêm 2 công đất nữa. Năm 2018, vợ chồng bà mới mua thêm

01 ha đất. Ông Hồ Thanh T đi làm rất ít đưa tiền cho bà. Nay ông Hồ Thanh T đã nộp đơn xin ly hôn với bà thì nợ nần cũng phải liên đới trả cùng bà.

** Bị đơn ông Hồ Thanh T trình bày theo bản tự khai ngày 26 và ngày 28/8/2019 có nội dung như sau:*

Ông là thợ hồ từ năm 2000 cho đến nay, thu nhập bình quân 40.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra, ông còn canh tác 02 ha ruộng thu nhập một vụ lúa khoảng 40.000.000 đồng, tích góp xây nhà năm 2014. Năm 2017, ông còn nhận chuyển nhượng 01 ha đất thửa số 236, tờ bản đồ số 6, tọa lạc xã MA, huyện X nên không có việc vay tiền ai xây nhà. Nhiều năm nay, bà Nguyễn Thị H gây nợ trên 1 tỷ đồng nhưng ông không biết nguyên nhân và không biết khoản nợ này. Ông đã chuyển nhượng đất để trả nợ nhưng bà Nguyễn Thị H tiếp tục gây nợ bằng việc chơi hụi, cầm xe, vay tiền xã hội đen. Bà Nguyễn Thị H hâm dọa các con phải khai theo ý bà Nguyễn Thị H nếu không đuổi khỏi nhà, bỏ đói. Cuộc sống gia đình ông ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Ông đã bỏ sang nhà chị ruột sinh sống hơn 1 năm nay. Việc bà Nguyễn Thị H sử dụng tiền này cho mục đích cá nhân, phi pháp. Do đó, ông không đồng ý liên đới trả nợ với bà Nguyễn Thị H. Ông Hồ Thanh T có nộp kèm bản tự khai của bà Hồ Thị Ngọc L là chị ruột của ông Hồ Thanh T cũng khai có nội dung như bản tự khai của ông Hồ Thanh T.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng góp hụi được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự, Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An được qui định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Hồ Thanh T chỉ nộp bản tự khai và vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nên tòa án giải quyết vắng mặt đương sự này theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà C và bà Nguyễn Thị H thống nhất bà C có tham gia 4 dây hụi do bà Nguyễn Thị H làm chủ, về diễn biến của 4 dây hụi nêu trên đúng như bà C trình bày. Cả 4 dây hụi bà C chưa hốt và đã bị bể hụi. bà C đã đóng hụi cụ thể như sau:

Dây hụi thứ 1: Hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 25/8/2017 âm lịch, bà C đóng (6 lần x 3.800.000 đồng = 22.800.000 đồng).

Dây hụi thứ 2: Hụi 3.000.000 đồng, khui ngày 15/02/2017 âm lịch, bà C đóng (13 lần x 2.400.000 đồng = 31.200.000 đồng).

Dây hụi thứ 3: Hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 05/02/2018 âm lịch, bà C đóng (12 lần x 1.650.000 đồng = 19.800.000 đồng).

Dây hụi thứ 4: Hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 15/3/2017 âm lịch, bà C đóng (24 lần x 750.000 đồng = 18.000.000 đồng).

Do bận đi làm nênbà C không đi bỏ phiêu mà đóng cố định số tiền mỗi kỳ của từng dây. Tổng số tiền hụi mà bà C yêu cầu bà Nguyễn Thị H, ông Hồ Thanh T trả là 91.800.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Bà Nguyễn Thị H đồng ý trả cho bà C tổng cộng 91.800.000 đồng.

Xét thấy, bà Nguyễn Thị H thừa nhận còn nợ bà C 91.800.000 đồng là tiền của 4 dây hụi nêu trên. Hiện nay, các dây hụi đã bể nhưng bà Nguyễn Thị H không trả tiền cho bà C là vi phạm Điều 14, Điều 15 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ nên bà C khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả tiền hụi là có căn cứ.

Về lãi suất: Việc bà C không yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ hụi của bà Nguyễn Thị H là sự tự nguyện và có lợi cho bị đơn, không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

- Xét nghĩa vụ trả nợ hụi:

Bà C yêu cầu ông Hồ Thanh T phải liên đới với bà Nguyễn Thị H trả nợ hụi cho bà. Lý do, việc hụi này ông Hồ Thanh T đều biết. Khi bà đóng hụi mà không có bà Nguyễn Thị H ở nhà thì bà đóng cho ông Hồ Thanh T. Khi bể hụi, bà cũng có nói với ông Hồ Thanh T số tiền còn nợ hụi, ông Hồ Thanh T nói đợi bà Nguyễn Thị H về giải quyết.

Ông Hồ Thanh T không đồng ý liên với bà Nguyễn Thị H trả nợ cho bà C vì cho rằng ông không biết nguyên nhân bà Nguyễn Thị H gây nên nợ và không biết khoản nợ này. Ông đã bán một phần đất trả nợ cho bà Nguyễn Thị H hơn 1 tỷ, nhưng nay bà Nguyễn Thị H vẫn còn nợ nên không đồng ý liên đới với bà Nguyễn Thị H trả nợ cho bà C.

Xét thấy, bà C xác định ông Hồ Thanh T có nhận tiền hụi của bà khi bà Nguyễn Thị H vắng nhà. Các phần hụi của bà C diễn ra từ năm 2017, 2018 khi hôn nhân giữa ông Hồ Thanh T và bà Nguyễn Thị H vẫn đang tồn tại. Theo Luật hôn nhân và gia đình đã quy định tại Điều 19 như sau "1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...." đây vừa là quyền vừa là nghĩa vụ. Khi mối quan hệ hôn nhân giữa ông Hồ Thanh T và bà Nguyễn Thị H vẫn đang tồn tại, ông Hồ Thanh T phải quan tâm đến việc của bà Nguyễn Thị H làm để biết cuộc sống gia đình như thế nào mà có biện pháp giải quyết. Nay ông Hồ Thanh T cho rằng không biết nguyên nhân bà Nguyễn Thị H gây nợ và nghi ngờ bà Nguyễn Thị H sử dụng tiền vào mục đích cá nhân, phi pháp thì không liên đới trả nợ là không có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai của anh Hồ Thanh T ngày 08/8/2019 là con ruột sống cùng nhà của ông Hồ Thanh T, bà Nguyễn Thị H là người trưởng thành, có nhận thức đầy đủ, hiểu rõ nhất hoàn cảnh gia đình đã xác định có thấy ông Hồ Thanh T nói chuyện với các chủ nợ, trong đó có bà C và ông Hồ Thanh T biết về việc chơi hụi, vay tiền của bà Nguyễn Thị H. Ông Hồ Thanh T không chứng minh được việc bà Nguyễn Thị H sử dụng tiền hụi vào mục đích cá nhân. Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình 2014, ông Hồ Thanh T phải có trách nhiệm liên đới với bà Nguyễn Thị H trả cho bà C 91.800.000 đồng.

Từ các phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà C đối với bà Nguyễn Thị H, ông Hồ Thanh T như lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X. Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Hồ Thanh T phải liên đới trả chobà C số tiền 91.800.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị H, ông Hồ Thanh T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Luật hôn nhân và gia đình.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé C đối với bà Bà Nguyễn Thị H, ông Hồ Thanh T về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Buộc bà Bà Nguyễn Thị H, ông Hồ Thanh T phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Bé C số tiền là 91.800.000 đồng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Bé C có đơn yêu cầu thi hành án, thì bà Nguyễn Thị H, ông Hồ Thanh T phải liên đới chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bà Nguyễn Thị H, ông Hồ Thanh T phải liên đới chịu 4.590.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Bé C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Bé C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.300.000 đồng theo biên lai thu số 0004556, ngày 05/7/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An.

3/ Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày niêm yết bản án.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án được quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành dân sự án.

Nơi nhận:
- *Tòa án tỉnh Long An;*
- *THA, VKS huyện X;*
- *Các đương sự;*
-*Lưu AV, HS*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng